TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thứ và ông Đàm Sông Hương;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ Ngày 08/01/2024 về việc *"ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

- Người làm chứng: Bà Vi Thị N, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Lào

Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Hoàng Văn H không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên giao du với những bạn bè xấu dẫn đến anh Hoàng Văn H bị nghiện ma túy. Đến năm 2018 anh Hoàng Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử về tội cướp giật tài sản. Sau khi chấp hành án xong, anh H tái nghiện ma túy và bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện số 02, tỉnh Lào Cai.

Đến nay chị nhận thấy thời gian vợ chồng không sống cùng nhau đã quá lâu, anh Hoàng Văn H không sửa chữa được bản thân, tình cảm chị dành cho anh Hoàng Văn H không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Hoàng Long V, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và cháu Hoàng Tâm N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2018. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị không đề nghị anh Hoàng Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Lương Thị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Lương Thị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với Bị đơn anh Hoàng Văn H:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ văn bản tố tụng cho anh H *(giao cho mẹ đẻ anh H là bà Vi Thị N)*, Công an xã V cung cấp anh Hoàng Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai, tại hộ gia đình bà Vi Thị N. anh H đã biết việc chị H khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh nhưng anh H không có ý kiến gì và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Người làm chứng bà Vi Thị N *(Là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn H)* trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng anh H chị H chung sống được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, gia đình hai bên có khuyên giải nhưng không thành. Khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã giao cho anh H, nhưng không thấy anh H nói gì.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải dược theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do

đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Lương Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

- Về quan hệ con chung: Chị Lương Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Long V, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và cháu Hoàng Tâm N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2018. Anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lương Thị H khởi kiện về Ly hôn đối với bị đơn anh Hoàng Văn H, sinh năm: 1993. ĐKHKTT: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lương Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn H vắng mặt không có lý do. Vì vậy,

Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lương Thị H, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có đủ cơ sở xác định:

Chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2014 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh Hoàng Văn H không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên giao du với những bạn bè xấu dẫn đến anh Hoàng Văn H bị nghiện ma túy. Đến năm 2018, anh Hoàng Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử về tội cướp giật tài sản. Sau khi chấp hành án xong, anh H tái nghiện ma túy, tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buốc số 13/QĐ – TA ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã quyết định đưa anh H đi cai nghiện 12 tháng, ngày 21/11/2023 anh H chấp hành xong trở về địa phương. Hiện tại anh H đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện tại địa phương.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định: Giữa chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn H có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm phai nhạt, cuộc hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị H về việc ly hôn với anh Hoàng Văn H.

[3] Về nuôi con chung:

Nguyên đơn chị Lương Thị H đề nghị Tòa án giải quyết: Chị Lương Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Long V, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và cháu Hoàng Tâm N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2018. Anh Hoàng Văn H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có ý kiến gì, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về vấn đề nuôi con chung. Anh H là người có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội "Cướp giật tài sản", đã bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc. Vì vậy Tòa án căn cứ và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ý kiến của nguyên đơn chị H để giải quyết.

Đối với nguyện vọng của con chung: Cháu Hoàng Long V có nguyện vọng được ở với chị Lương Thị H.

Đối với chị Lương Thị H có thu nhập khoảng 5.000.000đ – 6.000.000 đồng/tháng, chị có đủ điều kiện nuôi con. Từ khi anh H đi chấp hành án và đi cai nghiện thì cả 02 cháu đều do chị H nuôi dưỡng, hiện nay mặc dù 02 cháu đang ở cùng ông bà nội nhưng chị vẫn đi làm và gửi tiền nuôi các cháu.

Từ phân tích nêu trên, Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Hoàng Long V và cháu Hoàng Tâm N, phù hợp với nguyện vọng của cháu V mong muốn được ở với chị H. Xét thấy chị H có đủ điều kiện vật chất và tinh thần để

nuôi dưỡng cả hai cháu, không vi phạm bất cứ quy định cấm đoán hay hạn chế nào của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho Chị H được quyền trực tiếp nuôi cả 02 cháu V, cháu N đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Nguyên đơn chị H không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn về hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Lương Thị H:

- Về hôn nhân: Chị Lương Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn H;

- Về nuôi con chung: Chị Lương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Long V, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và cháu Hoàng Tâm N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2018 cho đến khi cháu V, cháu N đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0001408 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Lương Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa